

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS - PT
Ngày: 18 - 06 - 2020
V/v tranh chấp về đòi tiền công xây
nhà ở

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đê

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về đòi tiền công xây dựng nhà ở*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Anh Trần Thanh C, sinh năm 1981, có mặt;

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984, có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960, vắng mặt;

Bà Hà Thị C, sinh năm 1964, có mặt;

Cùng địa chỉ: Khóm B, phường H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Cùng chỗ ở: Ấp M, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn K: Bà Hà Thị C, sinh năm 1964, địa chỉ khóm B, phường H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền số 388 ngày 17/6/2020.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ trình bày như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2018, anh C và chị Đ có nhận làm công xây nhà cho ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C tại ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không có ký hợp đồng. Theo thỏa thuận miệng của hai bên, tiền công xây nhà tường đen, không máng là 500.000 đồng/m². Khi ông C và bà Đ làm được một nửa công đoạn xây nhà thì anh, chị ngưng xây vì bà C, ông K chậm thanh toán tiền ứng và đòi làm thêm máng nhà. Anh C, chị Đ nói nếu làm thêm máng nhà thì phải trả thêm tiền công là 8.000.000 đồng nhưng bà C không đồng ý. Ngưng thi công khoảng hơn 01 tháng thì ông K đến nhà anh C, chị Đ kêu tiếp tục làm nhà như thỏa thuận ban đầu, chính vì vậy mà anh chị mới yêu cầu hai bên làm hợp đồng để sau này có tranh chấp thì có chứng cứ giải quyết. Sau đó, anh chị tiếp tục nhận làm nhà cho ông K, bà C xong. Hai bên tính toán tổng số tiền công là 56.500.000 đồng. Bà C trả trước cho anh chị được 33.000.000 đồng, còn nợ lại 23.500.000 đồng anh chị nhắc nhở nhiều lần nhưng không trả. Bà C cứ cho rằng xây nhà bị hư hại và đòi bồi thường làm lại toàn bộ căn nhà. Do nhà của ông K, bà C là nhà được Nhà nước hỗ trợ tiền để cất vì bà C là con liệt sĩ nên nhà của bà C được Ủy ban nhân dân phường H lập biên bản bàn giao theo quy định. Khi bàn giao nhà gia đình bà C cũng không có ý kiến gì về việc xây nhà cũng như hư hao phần nào của căn nhà. Vì mong muốn để Tòa án giải quyết cho xong vụ án và để ông K, bà C tự thuê thợ khác sửa phần nào mà ông K, bà C cho là bị hư thì anh, chị đồng ý bớt cho ông K, bà C số tiền 10.000.000 đồng tiền công. Anh, chị chỉ yêu cầu ông K và bà C trả tiền công còn nợ là 13.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 10 năm 2019 của bà Hà Thị C, các biên bản lấy lời khai của bà Hà Thị C và ông Nguyễn Văn K và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C trình bày:

Ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C thừa nhận có thuê vợ chồng anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ cất nhà cho ông bà tại ấp M, xã L. Tiền công thợ xây nhà mà ông bà phải trả cho ông C, bà Đ tổng cộng là 56.500.000 đồng. Ông bà trả trước cho vợ chồng anh C số tiền là 33.000.000 đồng, còn nợ lại 23.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo ông bà trong quá trình xây nhà anh C thuê mướn thợ làm hư hỏng nhà ông bà nhiều chỗ như: bắn thủng tol lợp mái nhà nhiều chỗ, lót gạch nền nhà không đều bị bọng và ứ nước, đổ kèo nhà lệch cột, bức tường phía sau nhà xây không kín nên bị mưa tạt vào, nhà bị xéo... Vì vậy, nếu vợ chồng anh C không lấy tiền công xây nhà còn nợ là 23.500.000 đồng thì ông bà không bắt đền căn nhà. Còn nếu muốn ông bà trả tiền còn thiếu là 23.500.000 đồng thì anh C, chị Đ phải sửa lại toàn bộ chỗ nào trong nhà bị hư cho ông bà trước khi nhận tiền. Ông bà không yêu cầu phản tố đối với ông C, bà Đ về bồi thường và cũng không có nghĩa vụ yêu cầu giám định thiệt hại căn nhà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 157, 158; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 275, 280, 288, 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ đòi ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C trả tiền công xây nhà ở còn nợ. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C phải trả cho anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ tiền công xây nhà ở còn nợ là 13.500.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút lại là 10.000.000 đồng.

3. Dành cho ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C được quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết phân thiệt hại căn nhà trong một vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C có nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Buộc anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ phải làm đơn yêu cầu kiểm định lại chất lượng căn nhà của ông K, bà C nếu cơ quan chức năng xác định căn nhà này có hư hỏng thì ông C phải có nghĩa vụ sửa chữa cho ông K, bà C. Khi ông C sửa chữa xong thì ông K, bà C sẽ trả đủ số tiền còn lại cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đại diện cho bị đơn Nguyễn Văn K không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa hôm nay, xét thấy không có cơ sở chấp nhận

kháng cáo của ông Nguyễn Văn K nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng kháng cáo của bà Hà Thị C là quá hạn nên Tòa cấp phúc thẩm đã mở xét kháng cáo quá hạn, không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị C.

[2] Nội dung vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: anh Trần Thanh C, chị Nguyễn Thị Đ với ông Nguyễn Văn K, bà Hà Thị C đều xác nhận giữa hai bên ban đầu có thỏa thuận miệng với nhau về việc thuê anh C, chị Đ xây nhà cho ông K, bà C với giá do hai bên tự thỏa thuận là 500.000đ/m² tường đen (không dán gạch, sơn bê, không có máng nhà). Do có phát sinh việc thanh toán tiền công xây nhà không đúng hạn nên đến ngày 04/09/2018, giữa ông Nguyễn Văn K và anh Trần Thanh C có lập hợp đồng xây dựng nhà ở bằng văn bản. Điều khoản hợp đồng có quy định giá xây dựng là 500.000 đồng/m² tường đen không máng, phương thức thanh toán là tiền mặt 10 ngày bên thuê xây nhà ứng tiền công 01 lần đến khi kết thúc việc xây nhà thì bên thuê phải thanh toán dứt điểm cho bên nhận xây nhà. Việc xây nhà cho ông K bà C đã hoàn thành và được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh lập biên bản xác nhận nghiệm thu đưa vào sử dụng. Như vậy, anh C và chị Đ đã hoàn tất việc xây nhà cho ông K bà C. Giữa ông K bà C và anh C chị Đ cũng đã thống nhất số tiền công phải thanh toán cho anh C bằng 56.500.000 đồng, ông K và bà C trả trước cho vợ chồng anh C số tiền là 33.000.000 đồng, như vậy còn nợ lại số tiền 23.500.000 đồng ông K và bà C phải có nghĩa vụ trả cho anh C chị Đ. Tuy nhiên, trong quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, anh C chị Đ đồng ý bớt cho bà C ông K 10.000.000đ (mười triệu đồng) để ông bà tự sửa phần nào trong nhà mà theo ông K bà C cho là bị hư. Cho nên cấp sơ thẩm buộc ông K bà C phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ông K yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, buộc ông Trần Thanh C phải làm đơn yêu cầu kiểm định lại chất lượng căn nhà của ông K, bà C nếu cơ quan chức năng xác định căn nhà này có hư hỏng thì ông C phải có nghĩa vụ sửa chữa cho ông K, bà C là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm đã hướng dẫn cho ông K bà C làm đơn phản tố và gửi các chứng cứ kèm theo nếu có yêu cầu xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại của anh C chị Đ nhưng ông K bà C đã không làm. Do đó, Tòa án không có cơ sở xem xét cho ông K được. Cấp sơ thẩm đã dành cho ông K, bà C 01 vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu giải quyết phần bồi thường thiệt hại căn nhà là đúng pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm*”. Do ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ đòi ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C trả tiền công xây nhà ở còn nợ. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C phải trả cho anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ tiền công xây nhà ở còn nợ là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút lại là 10.000.000 đồng.

3. Dành cho ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị C được quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết phân thiệt hại căn nhà trong một vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu ngày 16/7/2019, anh C và chị Đ đã nhận lại xong số tiền còn dư là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) vào ngày 04/02/2020.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 857.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004673 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn K và bà Hà Chị C.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TX D;
- VKSND TX D;
- Chi cục THADS TX D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Kim Châu